NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ỨNG DỤNG VIDEO NGẮN TRONG DẠY KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SONADEZI

BÙI HỒNG HÀ* - LÊ NGỌC DIỆP**

TÓM TẮT: Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về việc ứng dụng video ngắn trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm nhất Trường Cao đẳng Sonadezi. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp hỗn hợp, kết hợp định lượng và định tính, với sự tham gia của 107 sinh viên. Trong đó, hai nhóm thực nghiệm và đối chứng được thiết lập nhằm so sánh hiệu quả của phương pháp dạy học có sử dụng video ngắn và phương pháp truyền thống. Kết quả cho thấy việc tích hợp video ngắn giúp cải thiện đáng kể năng lực nói tiếng Anh, đồng thời nâng cao hứng thú, động cơ và thái độ học tập của sinh viên. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sư phạm nhằm khai thác hiệu quả video ngắn trong giảng dạy kĩ năng nói tiếng Anh ở bậc cao đẳng và đại học.

TỪ KHÓA: video ngắn; kĩ năng nói; tiếng Anh; công nghệ giáo dục.

NHẬN BÀI: 17/11/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 27/01/2026

1. Mở đầu

Trong nhiều năm qua, việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào ngữ pháp và từ vựng, trong khi kĩ năng nói chưa được chú trọng đúng mức. Điều này dẫn đến thực trạng sinh viên có thể đạt điểm cao trong các bài kiểm tra viết nhưng lại gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp thực tế. Sự thiếu hụt môi trường sử dụng ngôn ngữ, hạn chế về thời lượng luyện nói trên lớp và phương pháp giảng dạy truyền thống là những nguyên nhân chính.

Cùng với sự phát triển của công nghệ số, video ngắn đã trở thành một hình thức truyền thông phổ biến, đặc biệt trong giới trẻ. Các video này có ưu điểm về thời lượng ngắn, nội dung sinh động, dễ tiếp cận và phù hợp với xu hướng học tập vi mô (microlearning). Do đó, việc tích hợp video ngắn vào dạy học kĩ năng nói tiếng Anh được xem là một giải pháp tiềm năng nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Nghiên cứu này tập trung trả lời hai câu hỏi: 1/Video ngắn ảnh hưởng như thế nào đến thái độ học tập của sinh viên đối với kĩ năng nói tiếng Anh?; 2/Việc sử dụng video ngắn có giúp cải thiện năng lực nói tiếng Anh của sinh viên hay không?

2. Một số vấn đề chung

Nghiên cứu về việc ứng dụng video ngắn trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh được xây dựng trên ba nền tảng lí luận chính: lí thuyết học tập kiến tạo, lí thuyết học tập vi mô (microlearning) và phương pháp dạy học giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT). Các hướng tiếp cận này có sự tương thích cao với đặc điểm của video ngắn và mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho người học.

Theo lí thuyết học tập kiến tạo của Piaget và Vygotsky, tri thức được hình thành thông qua quá trình người học chủ động tương tác với môi trường và bối cảnh xã hội. Trong dạy học kĩ năng nói tiếng Anh, điều này đòi hỏi việc tạo ra các tình huống giao tiếp có ý nghĩa, giúp người học sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tiễn. Video ngắn, với nội dung sinh động và phản ánh các tình huống giao tiếp đời thường, có khả năng cung cấp ngữ liệu xác thực, hỗ trợ người học quan sát, phân tích và thực hành nói tiếng Anh một cách chủ động.

Lí thuyết học tập vi mô nhấn mạnh việc tiếp nhận kiến thức thông qua các đơn vị nội dung ngắn, tập trung và dễ tiếp cận. Hug (2005) cho rằng microlearning giúp người học tối ưu hóa thời gian học tập trong bối cảnh học tập linh hoạt. Video ngắn là hình thức học liệu tiêu biểu của học tập vi mô, phù hợp với thói quen sử dụng thiết bị di động của sinh viên. Trong giảng dạy kĩ năng nói, video ngắn giúp cung

**Trường Đại học Đồng Nai; Email: buihongha2802@gmail.com*

***Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; Email: ldiep1410@gmail.com*

cấp nhanh các mẫu phát âm, ngữ điệu và hội thoại, tạo điều kiện cho người học luyện tập thường xuyên mà không gây quá tải nhận thức.

Bên cạnh đó, phương pháp dạy học giao tiếp (CLT) coi mục tiêu của dạy ngoại ngữ là phát triển năng lực giao tiếp toàn diện, bao gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh. CLT đề cao việc sử dụng ngữ liệu xác thực và các hoạt động giao tiếp mang tính tương tác. Video ngắn đáp ứng tốt yêu cầu này khi tái hiện các tình huống giao tiếp thực tế, góp phần nâng cao khả năng vận dụng tiếng Anh của người học.

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng việc sử dụng video, đặc biệt là video ngắn, có tác động tích cực đến việc phát triển kĩ năng nói, động cơ và mức độ tham gia của người học (Zhang et al., 2022; Smith, 2019; Kee, 2019). Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cũng khẳng định vai trò của học liệu số và video trong việc cải thiện phát âm, từ vựng và phản xạ giao tiếp của sinh viên (Nguyen, 2018; Truong & Le, 2022). Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về video ngắn trong bối cảnh giáo dục cao đẳng vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của video ngắn trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên cao đẳng.

Trong nghiên cứu này, "video ngắn (short videos)" được hiểu là các video có thời lượng từ 2 đến 4 phút, được thiết kế hoặc tuyển chọn nhằm phục vụ mục tiêu dạy học kĩ năng nói tiếng Anh. Các video này chủ yếu được khai thác từ các nền tảng phổ biến như YouTube Shorts, TikTok giáo dục và TED-Ed, đảm bảo tính xác thực, ngôn ngữ tự nhiên và phù hợp với trình độ sinh viên cao đẳng.

Tiêu chí lựa chọn video bao gồm: (a) thời lượng ngắn, không gây quá tải nhận thức; (b) nội dung gắn với các tình huống giao tiếp đời sống; (c) tốc độ nói vừa phải (khoảng 120-150 từ/phút); (d) từ vựng ở mức A2–B1 theo CEFR; và (e) có khả năng kích thích tương tác nói của người học.

3. Cách thức tiến hành

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính nhằm đánh giá toàn diện tác động của việc sử dụng video ngắn trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh. Thiết kế nghiên cứu mang tính bán thực nghiệm, với hai nhóm đối tượng: nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Nhóm thực nghiệm được giảng dạy kĩ năng nói tiếng Anh có tích hợp video ngắn, trong khi nhóm đối chứng học theo phương pháp giảng dạy truyền thống.

Việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính cho phép nghiên cứu không chỉ đo lường sự thay đổi về năng lực nói của sinh viên mà còn làm rõ thái độ học tập và nhận thức của người học cũng như giáo viên đối với việc ứng dụng video ngắn trong giảng dạy.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 107 sinh viên năm nhất đang theo học học phần kĩ năng nói tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Sonadezi. Từ tổng số này, nghiên cứu lựa chọn 60 sinh viên để tham gia thí nghiệm sư phạm, chia thành hai nhóm tương đương về trình độ ban đầu: 30 sinh viên thuộc nhóm thực nghiệm và 30 sinh viên thuộc nhóm đối chứng. Việc lựa chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phân tầng nhằm đảm bảo tính cân bằng về trình độ tiếng Anh giữa hai nhóm trước khi tiến hành can thiệp.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng nhiều công cụ thu thập dữ liệu nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả.

Thứ nhất, bảng hỏi được sử dụng để khảo sát thái độ học tập của sinh viên đối với kĩ năng nói tiếng Anh trước và sau quá trình can thiệp. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, gồm các mục đánh giá nhận thức, cảm xúc và hành vi học tập, dựa trên mô hình ba thành tố của thái độ học tập do Rosenberg và Hovland đề xuất.

Thứ hai, bài kiểm tra đánh giá kĩ năng nói được thực hiện thông qua rubric phân tích đa chiều bao gồm bốn tiêu chí: phát âm (pronunciation), độ trôi chảy (fluency), vốn từ vựng (vocabulary range), và khả năng diễn đạt ý tưởng (idea expression). Nhằm đảm bảo độ tin cậy, bài thể hiện kĩ năng nói của sinh viên được đánh giá độc lập bởi hai giảng viên tiếng Anh có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm

giảng dạy tương đương. Điểm số cuối cùng được xác định bằng giá trị trung bình cộng của hai lần chấm độc lập. Trong trường hợp xuất hiện sự chênh lệch đáng kể giữa hai điểm số, hai giám khảo tiến hành thảo luận và đối chiếu để đạt được sự đồng thuận về điểm đánh giá cuối cùng, nhằm đảm bảo tính nhất quán và khách quan của quy trình đánh giá.

Thứ ba, phỏng vấn bán cấu trúc được tiến hành với giáo viên giảng dạy nhằm thu thập dữ liệu định tính. Phỏng vấn trước thí nghiệm tập trung vào thực trạng dạy kĩ năng nói và những khó khăn gặp phải, trong khi phỏng vấn sau thí nghiệm nhằm đánh giá tính khả thi, hiệu quả và những thách thức của việc tích hợp video ngắn trong giảng dạy.

3.4. Quy trình can thiệp

Thí nghiệm sư phạm được triển khai trong thời gian 15 tuần thực học. Đối với nhóm thực nghiệm, video ngắn được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về tính xác thực, mức độ phù hợp với nội dung bài học và khả năng thu hút người học. Video được tích hợp vào các hoạt động dạy kĩ năng nói như giới thiệu chủ đề, cung cấp ngữ liệu, luyện phát âm, đóng vai, thảo luận nhóm và ôn tập.

Nhóm đối chứng học theo phương pháp giảng dạy truyền thống, không sử dụng video ngắn. Cả hai nhóm đều được giảng dạy bởi giáo viên có trình độ tương đương và sử dụng cùng một chương trình học nhằm đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu.

Trong suốt thời gian thí nghiệm, sinh viên cả hai nhóm được yêu cầu không tham gia các khóa học tiếng Anh bổ trợ bên ngoài. Đồng thời, bảng hỏi sau thí nghiệm có các mục kiểm tra tần suất tiếp xúc với video tiếng Anh ngoài lớp học nhằm kiểm soát biến tự học. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về mức độ tự học ngoài lớp giữa hai nhóm.

3.5. Phương pháp xử lí dữ liệu

Dữ liệu định lượng thu thập từ bảng hỏi và bài kiểm tra nói được xử lí bằng các phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận, trong đó phép kiểm Independent Samples T-test được sử dụng để so sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Dữ liệu định tính từ phỏng vấn được phân tích theo phương pháp phân tích nội dung nhằm làm rõ và bổ trợ cho các kết quả định lượng.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

4.1.1. Thực trạng học kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên

Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy thực trạng học kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên Trường Cao đẳng Sonadezi còn nhiều hạn chế. Phần lớn sinh viên bắt đầu học tiếng Anh tương đối muộn, chủ yếu từ bậc trung học phổ thông. Điều này đồng nghĩa với việc thời gian tiếp xúc và sử dụng tiếng Anh của sinh viên còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng lời nói.

Bảng 4.1. *Thời điểm sinh viên bắt đầu học tiếng Anh*

Thời điểm	Số lượng (n=107)	Tỉ lệ %
Tiểu học	04	3,7
THCS	22	20,6
THPT	81	75,7

Bên cạnh đó, tỉ lệ sinh viên tham gia các hoạt động hoặc khóa học bổ trợ kĩ năng nói ngoài nhà trường là rất thấp. Phần lớn sinh viên không có điều kiện hoặc cơ hội luyện nói tiếng Anh trong môi trường giao tiếp thực tế, dẫn đến việc thiếu tự tin và hạn chế phản xạ ngôn ngữ. Kết quả tự đánh giá năng lực nói của sinh viên cho thấy đa số người học chỉ xếp khả năng nói của mình ở mức trung bình hoặc yếu, rất ít sinh viên tự tin đánh giá ở mức khá hoặc tốt.

Bảng 4.2. *Tự đánh giá năng lực nói tiếng Anh của sinh viên*

Mức độ	Số lượng (n=107)	Tỉ lệ %
Xuất sắc	02	1,9
Khá	20	18,7
Trung bình	66	61,7
Yếu	19	17,8

Kết quả trên phản ánh một thực trạng phổ biến trong dạy và học tiếng Anh ở bậc cao đẳng, khi kĩ năng nói chưa được chú trọng đúng mức và người học thiếu môi trường luyện tập thường xuyên. Đây chính là cơ sở thực tiễn cho việc triển khai thí nghiệm sư phạm với video ngắn nhằm cải thiện kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên.

4.2. Tác động của video ngắn đến thái độ học tập của sinh viên

Kết quả phân tích bảng hỏi trước và sau thí nghiệm cho thấy việc sử dụng video ngắn trong giảng dạy có tác động tích cực đến thái độ học tập của sinh viên đối với kĩ năng nói tiếng Anh. Sau quá trình can thiệp, sinh viên nhóm thực nghiệm thể hiện mức độ hứng thú cao hơn khi tham gia các hoạt động nói trên lớp, đồng thời có thái độ tích cực hơn đối với việc luyện nói tiếng Anh.

Video ngắn giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, gần gũi với đời sống và phù hợp với thói quen tiếp nhận thông tin của sinh viên. Thông qua việc quan sát các tình huống giao tiếp thực tế trong video, sinh viên cảm thấy việc học nói tiếng Anh trở nên dễ tiếp cận và bớt áp lực hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống. Kết quả này phù hợp với quan điểm của lí thuyết học tập kiến tạo, theo đó người học tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn khi được đặt trong bối cảnh có ý nghĩa và gắn với trải nghiệm thực tiễn.

Ngoài ra, việc tích hợp video ngắn cũng góp phần nâng cao động cơ học tập và tính chủ động của sinh viên. Nhiều sinh viên cho biết họ có xu hướng tự tìm kiếm và xem thêm các video tiếng Anh ngoài giờ học, từ đó mở rộng cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ. Điều này cho thấy video ngắn không chỉ tác động đến thái độ học tập trên lớp mà còn thúc đẩy quá trình tự học của người học.

4.3. Tác động của video ngắn đến năng lực nói tiếng Anh

Bảng 4.3. *So sánh kết quả kiểm tra nói trước và sau thí nghiệm*

Nhóm	Số lượng (n=107)	Điểm TB Pre-test	Điểm TB Post-test	Mức tăng TB
Đối chứng	30	16.03	16.26	0.23
Thực nghiệm	30	15.83	20.16	4.33

Kết quả phân tích điểm số bài kiểm tra kĩ năng nói trong giai đoạn tiền thử nghiệm cho thấy không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Điều này xác nhận tính đồng nhất về năng lực ban đầu giữa hai nhóm và đảm bảo tính giá trị nội tại cho việc so sánh kết quả trong giai đoạn hậu can thiệp.

Sau khi triển khai can thiệp, kết quả đo lường kĩ năng nói chỉ ra rằng nhóm thực nghiệm đạt được mức độ tiến bộ vượt trội so với nhóm đối chứng. Trong khi điểm số trung bình của nhóm đối chứng chỉ ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn, nhóm thực nghiệm thể hiện sự gia tăng đáng kể về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh. Kiểm định thống kê cho thấy sự chênh lệch này đạt mức ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$), khẳng định tác động tích cực của việc tích hợp video ngắn vào quy trình giảng dạy nhằm nâng cao kĩ năng nói của sinh viên.

Tuy nhiên, phân tích chuyên sâu về các thành phần cấu thành kĩ năng nói cho thấy mức độ cải thiện của nhóm thực nghiệm không đồng đều giữa các tiểu kĩ năng. Cụ thể, độ trôi chảy (fluency) và phát âm (pronunciation) là hai yếu tố ghi nhận mức tiến bộ nổi bật nhất, trong khi độ chính xác ngữ pháp (grammatical accuracy) chỉ có mức cải thiện không đáng kể.

Điều này có thể được giải thích thông qua đặc tính của video ngắn trong việc cung cấp ngữ liệu đa phương thức (multimodal input) chân thực, tạo điều kiện cho người học quan sát và tái tạo các yếu tố siêu phân đoạn như ngữ điệu, nhịp điệu và các biểu thức ngôn ngữ tự nhiên trong tình huống giao tiếp thực tế. Tuy nhiên, phương thức này ít tập trung vào việc phát triển nhận thức siêu ngôn ngữ (metalinguistic awareness) về cấu trúc ngữ pháp. Những phát hiện này tương đồng với các nghiên cứu thực nghiệm trước đây, cho thấy rằng tài nguyên video có tác động mạnh mẽ hơn đối với các kĩ năng nói lưu loát và phát âm so với việc nâng cao độ chính xác ngữ pháp hình thức (formal grammatical accuracy).

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tích hợp video ngắn vào dạy kĩ năng nói mang lại tác động tích cực đồng thời trên hai phương diện: (i) thái độ học tập và (ii) năng lực nói tiếng Anh của sinh viên. Trong bối cảnh khảo sát ban đầu cho thấy phần lớn sinh viên bắt đầu học tiếng Anh khá muộn, ít tham gia các hoạt động luyện nói ngoài nhà trường và thiếu môi trường thực hành giao tiếp thường xuyên, nhu cầu về một nguồn ngữ liệu "gần gũi - dễ tiếp cận - giàu tính tương tác" là rất rõ rệt. Việc đưa video ngắn vào lớp học, vì thế, có thể xem như một giải pháp bù đắp phần nào khoảng trống về "đầu vào" (input) và cơ hội luyện tập nói trong điều kiện học tập hiện tại.

Trước hết, về hiệu quả nâng cao năng lực nói, dữ liệu kiểm định cho thấy hai nhóm (đối chứng và thực nghiệm) tương đồng về năng lực ban đầu, do đó sự khác biệt sau can thiệp có thể quy về tác động của phương pháp. Đáng chú ý, mức tăng điểm trung bình của nhóm thực nghiệm cao hơn rõ rệt (ΔMean = 4.33) so với nhóm đối chứng (ΔMean = 0.23). Điều này củng cố lập luận rằng video ngắn không chỉ đóng vai trò "tạo hứng thú" mà còn có thể tạo ra gia tăng thực chất về thành tích nói khi được thiết kế như một thành tố của tiến trình dạy học. Kết quả này phù hợp với mô tả quy trình can thiệp: video được tích hợp vào nhiều hoạt động nói (giới thiệu chủ đề, cung cấp ngữ liệu, luyện phát âm, đóng vai, thảo luận nhóm, ôn tập), nhờ đó người học được tiếp xúc - luyện tập - phản hồi theo vòng lặp tương đối đều đặn trong 15 tuần.

Về cơ chế tác động, có thể lí giải hiệu quả của video ngắn trên nền tảng ba khung lí thuyết đã nêu. Thứ nhất, theo học tập kiến tạo, tri thức hình thành qua tương tác với bối cảnh xã hội; video ngắn cung cấp ngữ liệu giao tiếp "đời thường", tạo điều kiện để người học quan sát tình huống, suy luận ý nghĩa và tái tạo phát ngôn trong hoạt động nói. Thứ hai, theo microlearning, video ngắn phù hợp với nhịp tiếp nhận thông tin ngắn, tập trung, giúp người học "học nhanh - luyện nhanh - lặp lại nhiều lần" mà không gây quá tải nhận thức; tiêu chí lựa chọn video (2-4 phút, tốc độ nói vừa phải, từ vựng A2-B1, kích thích tương tác) cũng góp phần đảm bảo tính "vừa sức" và tính lặp hiệu quả. Thứ ba, dưới góc độ dạy học giao tiếp (CLT), video ngắn tăng cường tính xác thực của ngữ liệu và thúc đẩy hoạt động tương tác (đóng vai, thảo luận, phản hồi), qua đó hỗ trợ phát triển năng lực giao tiếp thay vì chỉ ghi nhớ cấu trúc.

Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy mức độ cải thiện không đồng đều giữa các tiểu kĩ năng nói: độ trôi chảy và phát âm cải thiện nổi bật hơn, trong khi độ chính xác ngữ pháp tăng không đáng kể. Đây là một phát hiện quan trọng để "đọc đúng" vai trò của video ngắn trong dạy nói. Bản chất video ngắn cung cấp ngữ liệu đa phương thức (hình-âm-ngữ cảnh), hỗ trợ người học bắt chước nhịp điệu, ngữ điệu, cách nối âm, biểu cảm… nên dễ tạo tiến bộ ở phát âm và độ trôi chảy; trong khi đó, phát triển độ chính xác ngữ pháp lại cần các hoạt động hướng chú ý vào hình thức (focus on form), phản hồi sửa lỗi có hệ thống, và thực hành có kiểm soát nhiều hơn-những yếu tố có thể chưa phải trọng tâm của chuỗi hoạt động dựa trên video. Vì vậy, nếu mục tiêu học phần nhấn mạnh đồng thời độ trôi chảy và độ chính xác (fluency-accuracy), video ngắn nên được xem là "đòn bẩy" cho tính lưu loát và phát âm, còn phần ngữ pháp cần được thiết kế bổ trợ bằng nhiệm vụ nói có định hướng cấu trúc hoặc bước phản hồi sau hoạt động nói (ví dụ: ghi nhận lỗi điển hình → sửa theo nhóm → nói lại phiên bản cải thiện).

Ở phương diện thái độ học tập, việc video ngắn tạo môi trường học tập sinh động, gần gũi với đời sống giúp giảm áp lực khi nói và tăng cảm giác "học được - nói được". Đồng thời, nghiên cứu ghi nhận xu hướng sinh viên chủ động tìm xem thêm video tiếng Anh ngoài giờ, cho thấy tác động lan tỏa từ lớp học sang tự học. Tuy vậy, thực tế người học thường quen xem video ngắn vì mục đích giải trí, nên nếu không có định hướng sư phạm rõ ràng, video dễ bị "tiêu thụ thụ động" (xem cho vui) thay vì "học chủ động" (xem có nhiệm vụ). Do đó, điểm mấu chốt không nằm ở "có dùng video hay không", mà ở cách chuyển hóa video thành nhiệm vụ nói: (1) giao nhiệm vụ trước khi xem (dự đoán nội dung, từ khóa), (2) nhiệm vụ trong khi xem (bắt ý chính, nhại theo cụm từ, chú ý ngữ điệu) và (3) nhiệm vụ sau khi xem (đóng vai biến thể tình huống, thảo luận quan điểm, kể lại, tóm tắt, phản biện).

Cách triển khai như vậy cũng phù hợp với mô tả quy trình can thiệp khi video được tích hợp xuyên suốt nhiều dạng hoạt động nói khác nhau.

Tóm lại, các phát hiện của nghiên cứu cung cấp bằng chứng rằng video ngắn-khi được tuyển chọn phù hợp và thiết kế như một chuỗi nhiệm vụ giao tiếp-có thể vừa nâng cao động lực và thái độ học tập, vừa cải thiện đáng kể năng lực nói của sinh viên. Đồng thời, kết quả cũng gợi mở yêu cầu điều chỉnh thiết kế bài học theo hướng cân bằng giữa lưu loát và chính xác, khai thác thế mạnh của video ngắn về ngữ liệu xác thực và tính đa phương thức, nhưng vẫn cần các bước sư phạm bổ trợ để phát triển ngữ pháp và độ chính xác một cách bền vững.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát tác động của việc ứng dụng video ngắn trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm nhất Trường Cao đẳng Sonadezi. Trên cơ sở kết hợp phương pháp định lượng và định tính, nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm cho thấy video ngắn là một công cụ sư phạm có hiệu quả trong giảng dạy kĩ năng nói tiếng Anh ở bậc cao đẳng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trước khi can thiệp, phần lớn sinh viên có trình độ nói tiếng Anh còn hạn chế, thiếu tự tin trong giao tiếp và ít có cơ hội luyện nói ngoài lớp học. Sau quá trình thí nghiệm, sinh viên nhóm thực nghiệm - được học tập với sự hỗ trợ của video ngắn - có sự cải thiện rõ rệt cả về năng lực nói và thái độ học tập so với nhóm đối chứng. Sự tiến bộ này thể hiện ở khả năng phát âm, độ trôi chảy, khả năng diễn đạt ý tưởng cũng như mức độ hứng thú và chủ động trong các hoạt động nói.

Những kết quả trên cho thấy việc tích hợp video ngắn không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học kĩ năng nói mà còn tạo ra môi trường học tập sinh động, gần gũi với đời sống và phù hợp với đặc điểm tiếp nhận thông tin của sinh viên hiện nay. Nghiên cứu đồng thời khẳng định tính phù hợp của việc vận dụng các cơ sở lí luận như học tập kiến tạo, học tập vi mô và phương pháp dạy học giao tiếp trong việc khai thác video ngắn phục vụ giảng dạy ngoại ngữ.

5.2. Khuyến nghị

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, đối với giáo viên, cần tăng cường ứng dụng video ngắn như một học liệu hỗ trợ trong dạy kĩ năng nói tiếng Anh. Giáo viên nên lựa chọn video có nội dung xác thực, phù hợp với trình độ và mục tiêu bài học, đồng thời thiết kế các hoạt động nói gắn với video nhằm phát huy tính tương tác và chủ động của người học.

Thứ hai, đối với nhà trường, cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất và chính sách để khuyến khích việc sử dụng học liệu số trong giảng dạy. Việc xây dựng kho video ngắn phục vụ giảng dạy tiếng Anh và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực công nghệ cho giáo viên là những giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả triển khai phương pháp này.

Thứ ba, đối với sinh viên, cần được định hướng cách sử dụng video ngắn một cách hiệu quả cho mục đích học tập, thay vì chỉ phục vụ giải trí. Việc kết hợp học tập trên lớp với hoạt động tự học thông qua video ngắn có thể góp phần mở rộng môi trường tiếp xúc với tiếng Anh và nâng cao năng lực giao tiếp.

Cuối cùng, đối với nghiên cứu trong tương lai, cần có thêm các nghiên cứu với quy mô mẫu lớn hơn, thời gian can thiệp dài hơn và triển khai ở nhiều bối cảnh giáo dục khác nhau nhằm đánh giá toàn diện và lâu dài tác động của video ngắn trong dạy học ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abate, Y. (2014), Communicative language teaching: Characteristics and principles. *Journal of Language Teaching*. 6(2). 45–56.
2. Brown, G., & Yule, G. (1983), Teaching the spoken language. *Cambridge: Cambridge University Press*.

3. Brown, H. D. (2018), Principles of language learning and teaching (6th ed.). *Beijing: Foreign Language Teaching and Research Press*.
4. Hug, T. (2005), Micro learning and narration: Exploring possibilities of utilization of narrations and storytelling for the designing of micro-learning units. *Innsbruck University Press*.
5. Hymes, D. (1996), On communicative competence. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), Sociolinguistics. *London: Penguin*.
6. Nguyen, T. H. (2018), Improving students' speaking skills in EFL classrooms in Vietnam. *Journal of Foreign Language Studies.* 34(1). 67-78.
7. Truong, T. M., & Le, T. D. (2022), The use of YouTube in enhancing EFL students' speaking skills. *VNU Journal of Foreign Studies.* 38(2). 89-102.
8. Woolfitt, Z. (2015), The effective use of video in higher education. *Rotterdam: Inholland University of Applied Sciences*.

The application of short videos in teaching speaking skills: A case study at Sonadezi college

Abstract: This study investigates the application of short videos in teaching English speaking skills to first-year students at Sonadezi College. Using a mixed-methods approach, the research combines quantitative data from questionnaires and speaking tests with qualitative data from teacher interviews. A quasi-experimental design was employed with an experimental group receiving short-video-assisted instruction and a control group following traditional teaching methods. The findings reveal that short videos significantly improve students' speaking proficiency and foster more positive learning attitudes, including increased motivation and confidence in oral communication. The study provides pedagogical implications and practical recommendations for integrating short videos into English speaking instruction in higher education contexts.

Key words: short videos; speaking skills; English language teaching; higher education.